

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN KIẾN AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2022
V/v tranh chấp về chia tài sản của
nam nữ chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Lầy

Bà Hoàng Thị Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Việt Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đô – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021, về việc “tranh chấp về chia tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 390/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 495/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Công D, địa chỉ: Nhà số 47 T, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; (Có mặt).

Bị đơn: Bà Chu Vĩnh H, địa chỉ: Số 50 đường T, tổ T 1, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Xuân H – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Thiên Văn, địa chỉ: Số 110 đường T, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2021, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Bùi Công D trình bày:

Ông D và bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau đó bà H và Ông D chung sống tại số nhà 50, đường T, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng, đến năm 1995 Ông D và bà H không chung sống với nhau nữa. Năm 2016 Tòa án nhân dân quận Kiến An đã xử không công nhận vợ chồng giữa Ông D và bà H. Trong quá trình chung sống Ông D và bà H có tài sản chung như sau: Diện tích đất là 60,3m² tại thửa đất số 533, tờ bản đồ số 24 (306591-9-(a)) và tài sản trên đất là 01 nhà một tầng, gác xép, công trình phụ như nhà bếp, nhà vệ sinh, bể nước xây dựng khoảng năm 1993, tại Số 50 đường T, phường Q, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Ông D yêu cầu Tòa án giải quyết chia diện tích đất là 60,3m² tại thửa đất số 533, tờ bản đồ số 24 (306591-9-(a)) tại nhà số 50 đường T, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng. Trong diện tích đất 60,3m² có:

Phần đất phía trước (Ông D không nhớ cụ thể kích thước, như kết luận của Bản án số 12/2021/DS-PT ngày 25/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng là do cụ Chít tặng cho bà H. Tuy nhiên Ông D vẫn khẳng định diện tích đất này là do Ông D và bà H mua.

Phần đất phía sau (Ông D không nhớ cụ thể kích thước chỉ nhớ là hình tam giác) là do Ông D và bà H mua của ông T và bà L (Không nhớ đầy đủ họ tên) mua khoảng năm 1992, 1993 vì diện tích đất của Ông D và bà H là hình thang, phía cuối đất chéo, nên Ông D và bà H mua thêm đất để cho mảnh đất được vuông, Ông D và bà H mua phần đất của ông T với giá 200.000 đồng, Ông D đã thanh toán tiền đầy đủ, sau khi mua Ông D, bà H đã sử dụng diện tích đất này từ khi mua đến nay, giữa Ông D và bà H với gia đình người bán không xảy ra tranh chấp khiếu kiện gì. Khi mua có giấy tờ viết tay nhưng do mua đã lâu nên giấy tờ đã bị thất lạc, không thể cung cấp được.

Một phần đất giáp đất nhà bà H được Tòa án xác định là do Ông D và bà H sử dụng lẫn sang, cụ thể: Rộng 0,5m x dài 15,30m = 7,65m² giá trị phần đất lẫn sang được xác định là 244.800.000. Ông D và bà H phải trả cho bà H số tiền là 244.800.000 đồng nhưng do Ông D và bà H đã ly hôn nên phần trách nhiệm của Ông D và bà H chia làm hai phần, mỗi phần là 122.400.000 đồng. Ông D phải thanh toán trả bà H số tiền là 122.400.000 đồng. Phần trách nhiệm của Ông D đã thi hành xong tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An vào khoảng tháng 4/2021.

- Tài sản trên đất:

Tài sản trên đất là 01 nhà một tầng mái bằng có gác xép, diện tích hơn 40m²; phía sau có công trình phụ gồm 01 nhà bếp, 01 nhà tắm, 01 nhà vệ sinh đều lợp tôn và 01 bể nước. Công trình này xây khoảng năm 1993.

Hiện nay toàn bộ tài sản là đất và tài sản trên đất nêu trên do bà H đang quản lý sử dụng. Nay Ông D yêu cầu định giá toàn bộ tài sản là nhà và đất nêu trên và chia theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/8/2022 ông Bùi Công D nộp 01 bản ghi ý kiến và tại phiên tòa Ông D trình bày trước đây diện tích 60,3m² đất là ao sâu khoảng 2,5m, khoảng năm 1993 Ông D và bà H đã đổ đất san lấp ao, Ông D không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh độ sâu của ao tại thời điểm san lấp và không còn lưu giữ được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho những chi phí san lấp ao. Ông D yêu cầu Tòa án khi chia tài sản chung của Ông D và bà H thì tính cả khoản tiền san lấp ao, cụ thể: 270,985 m³ x 250/1m³ đất san nền = 67.746,250 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 12/12/2021 và tại phiên tòa bị đơn là bà Chu Vĩnh H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Bà H và Ông D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau đó bà H và Ông D chung sống tại số nhà 50, đường T, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng, đến cuối năm 1994 đầu năm 1995 Ông D đi khỏi nhà còn bà H vẫn sinh sống tại nhà số 50, đường Trần Nhân Tông, bà H và Ông D sống ly thân từ đầu năm 1995 đến ngày 04/02/2016 Tòa án nhân dân quận Kiến An đã giải quyết quan hệ hôn nhân giữa bà H và Ông D; tại Bản án số 04/2016/HNGĐ-ST Tòa án đã tuyên không công nhận bà H và Ông D là vợ chồng, không giải quyết về tài sản chung giữa bà H và Ông D. Tài sản là nhà và đất tại số nhà 50, đường T, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng bà H vẫn quản lý sử dụng cho đến nay.

Bà H không đồng ý chia đôi với diện tích đất là 60,3m² tại thửa đất số 533, tờ bản đồ số 24 (306591-9-(a)) tại nhà số 50 đường T, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng như Ông D yêu cầu vì diện tích đất này là do mẹ đẻ bà H là cụ Chít đã cho bà H, đây là tài sản riêng của bà H. Trong diện tích đất nêu trên bà H và Ông D có mua thêm của ông T 3,4 m² ở phía cuối đất để cho mảnh đất vuông vắn và bà H và Ông D khi xây dựng nhà có sử dụng lấn sang phần đất của bà Chu Vĩnh H là 7,65m² (15,30m x 0,5m), phần nghĩa vụ dân sự của bà H đối với phần đất này bà H đã hoàn thành. Bà H chỉ chấp nhận chia đôi với phần đất chung là 3,4m² và 7,65m², tổng là 11,05m² tại thửa đất số 533, tờ bản đồ số 24(306591-9-(a)), địa chỉ: Số 50, đường T, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng.

Bà H xác định tài sản chung trên đất của Ông D, bà H xây dựng cuối năm 1992 đầu năm 1993 gồm: 01 nhà cấp 4 mái bằng, bê tông cốt thép, 01 gác xép bê tông. Còn công trình phụ phía sau gồm 01 bếp, 01 nhà vệ sinh, 01 bể nước xây gạch ba banh, lợp mái pro xi măng xây dựng năm 1992, đến năm 2015 (23 năm) do cũ nát, sập sệ, bão gió nên đã bị đổ, không còn sử dụng được nữa, năm 2016 bà H đã tháo dỡ để xây dựng nhà hai tầng, công trình phụ khép kín trên phần đất đó; nay công trình phụ xây năm 1992 không còn giá trị sử dụng và không còn tồn tại, bà không đồng ý chia theo yêu cầu của Ông D.

Bà H không đồng ý với yêu cầu tính công sức, chi phí cho việc san lấp mặt bằng mà Ông D yêu cầu vì việc san lấp mặt bằng này là do bà H là người trực tiếp mua đất về san lấp, toàn bộ tiền mua đất san lấp là của bà H bỏ ra, lúc đó Ông D còn đang là sinh viên, đang đi học, không có tiền, không có tài sản đóng góp vào việc mua đất san nền. Mảnh đất trước đây là thùng vũng thả rau muống, độ sâu khoảng 60cm- 70cm so với mặt đất, bà H không cung cấp được tài liệu, giấy tờ, chứng cứ gì để xác định chính xác độ sâu của ao ở thời điểm san lấp, do thời điểm san lấp đã lâu, nên bà H không nhớ ngày đó đã đổ bao nhiêu khối đất để san lấp và cũng không có giấy tờ, tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho những chi phí san lấp phần đất này nên không thể cung cấp theo yêu cầu của Tòa án.

Bà H không đồng ý với việc Ông D tự tính tiền san lấp theo giá thị trường hiện nay tổng là 67.746.250 đồng. Ông D không có cơ sở để yêu cầu chia hay tính công sức đối với việc san lấp này.

Đối với nền nhà cấp 4 là do bà H đã tôn cao và làm lại nền từ năm 2016; các cửa nhôm kính, nhà 2 tầng phía sau và các hạng mục khác bà H là người bỏ tiền ra tu tạo sửa chữa, xây mới, là tài sản riêng của bà H, không liên quan gì đến Ông D.

Tại Bản án số 12/2021/DS-PT ngày 25/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thể hiện: Nguồn gốc thửa đất số 533, tờ bản đồ số 24(306591-9-(a)), địa chỉ: Số 50, đường T, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng là của cụ Nguyễn Quang Sang, năm 1987 cụ Sang chuyển nhượng cho cụ Nguyễn Thị Chít (Là mẹ đẻ của bà Chu Vĩnh H); năm 1987 cụ Chít đã tặng cho bà Chu Vĩnh H. Trong quá trình sử dụng bà H và Ông D có mua thêm phần đất phía sau cho vuông đất và Ông D bà H có sử dụng lấn sang phần đất của bà Chu Vĩnh Hùng là 7,65m² (mặt tiền giáp đường Trần Nhân Tông là 0,5m và dài 15,3m); Tòa án đã giao cho Ông D và bà H tiếp tục sử dụng phần đất này và phải có trách nhiệm thanh toán giá trị diện tích đất cho bà H (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H là ông Bùi Văn Nguyên, chị Bùi Thúy Hồng, chị Vui Vĩnh Hậu); cụ thể: 7,65m² x 32.400.000 đồng = 244.800.000 đồng, Ông D, bà H mỗi người phải trả 122.400.000 đồng.

Biên bản xác minh ngày 18/8/2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Kiến An thể hiện: Ông Bùi Văn Nguyên đã nhận đủ số tiền 122.400.000 đồng của ông Bùi Công Thịnh thanh toán thay ông Bùi Công D. Khoản tiền 122.400.000 đồng, bà Chu Vĩnh H phải thanh toán cho ông Bùi Công Nguyên, ông Nguyên và bà H tự thỏa thuận đối với khoản tiền này, không yêu cầu Thi hành án giải quyết.

Tại Biên bản làm việc với ông Nguyễn Quang Thành, ngày 27/5/2022 thể hiện: Năm 1992 ông Nguyễn Quang Thành có bán cho ông Bùi Công D và bà Chu Vĩnh H một mẫu đất hình tam giác, khoảng 4m² ((2m x 4m):2 =4m), ở phần phía sau đất nhà Ông D, bà H, với giá bán là 200 đồng. Ông T nhận đủ tiền và đã giao đất cho Ông D, bà H sử dụng. Việc mua bán này không được lập thành văn bản, đến nay hai bên không có tranh chấp gì.

Tại Biên bản định giá tài sản số 01/2022/BBĐG ngày 02/6/2022 thể hiện:
 Giá thị trường 1m² đất tại thửa đất số 533, tờ bản đồ số 24(306591-9-(a)), địa chỉ: Số 50, đường Trần Nhân Tông, Tổ Trần Nhân Tông 1, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tại thời điểm định giá có mức giá là 50.000.000đ/1m².

Tại Bảng định giá tài sản vật kiến trúc trên đất ngày 02/6/2022 thể hiện:

Vật kiến trúc	Giá trị còn lại
Nhà mái bằng BTCT, tường 220, xây năm 1992	39.342.443
Chênh cao tường xây	367.112
Chênh chát tường	1.001.628
Mái hiên bê tông	455.993
Gác xép bê tông	1.405.978
Tổng	42.573.154

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; nguyên đơn, bị đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 16 Luật Hôn nhân gia đình; các điều 207, 210, 219 Bộ luật Dân sự; các điều 147, 227, 157, 165, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Công D. Xác định khối tài sản chung của Ông D và bà H gồm: 11,05m² đất và căn nhà phía trước – nhà một tầng, mái bằng bê tông xây dựng năm 1992 trên diện tích đất 60m², tại thửa đất số 533, tờ bản đồ số 24(306591-9-(a)); địa chỉ: Số 50 đường Trần Nhân Tông, tổ Trần Nhân Tông 1, phường Quán Trữ, quận Kiến An, Hải Phòng; Có tổng trị giá 595.073.154 đồng. Mỗi người được hưởng ½ giá trị khối tài sản chung là 297.536.577 đồng.

Giao cho bà Chu Vĩnh H được quản lý, sử dụng toàn bộ đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 533, tờ bản đồ số 24(306591-9-(a)); địa chỉ: Số 50 đường Trần Nhân Tông, tổ Trần Nhân Tông 1, phường Quán Trữ, quận Kiến An, Hải Phòng. Buộc bà H phải thanh toán cho ông Bùi Công D giá trị tài sản chung Ông D được hưởng là 297.536.577 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì, để chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình; về việc san lấp mặt bằng của diện tích $49,27m^2 = 67.746.250$ đồng và phần tài sản chung là công trình phụ phía sau, gồm: 01 bếp, 01 bể nước, 01 nhà vệ sinh xây gạch pabanh, lợp tôn pro xi măng xây dựng năm 1993; Cùng khoản tiền khấu hao của tài sản nhà đất một năm (do Ông D dự tính) là 7.870.000 đồng (như đã nêu trên). Cần được tách ra, để giải quyết bằng một vụ án khác, khi Ông D có đầy đủ các tài liệu chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Về án phí: Ông Bùi Công D, bà Chu Vĩnh H được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về quan hệ pháp luật:

[1] Ông Bùi Công D và bà Chu Vĩnh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986 nhưng không đăng ký kết hôn, tại Bản án số 04/2016/HNGĐ-ST ngày 04/02/2016 Tòa án nhân dân quận Kiến An đã xử: Ông Bùi Công D và bà Chu Vĩnh H không phải là vợ chồng, không giải quyết về tài sản chung của Ông D và bà H. Do tài sản chung của Ông D và bà H hình thành trong thời gian Ông D và bà H chung sống với nhau như vợ chồng và chưa được xem xét giải quyết nên Ông D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản chung này. Do vậy vụ án này được xác định là vụ án hôn nhân gia đình, quan hệ tranh chấp là chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết:

[2] Ngày 22 tháng 10 năm 2021 ông Bùi Công D nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Kiến An, Ông D yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của ông Bùi Công D và bà Chu Vĩnh H; bà Chu Vĩnh H là bị đơn, trú tại quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An.

- Đối với yêu cầu chia diện tích $60,30m^2$ (Tại thửa đất số 533, tờ bản đồ số 24(306591-9-(a)), địa chỉ: Số 50, đường T, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng - Gọi tắt là thửa đất số 533);

[3] Theo Bản án có hiệu lực pháp luật số 12/2021/DS-PT, ngày 25/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thể hiện: Thửa đất số 533, có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Quang Sang, năm 1987 cụ Sang chuyển nhượng cho cụ Nguyễn Thị Chít là mẹ đẻ của bà Chu Vĩnh H; cụ Chít đã cho bà Chu Vĩnh H thửa đất này, bà H và Ông D cùng sử dụng thửa đất này, tuy nhiên bà H không tự nguyện đưa khối tài sản này vào khối tài sản chung của bà H và Ông D, do vậy thửa đất này không phải là tài sản chung của Ông D và bà H, việc Ông D yêu cầu chia toàn bộ diện tích $60,30m^2$ tại thửa đất số 533, là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, trong $60,30m^2$ tại thửa đất số 533 có $3,4m^2$ đất là do Ông D, bà H mua

của ông Nguyễn Quang Thành, nguồn tiền mua diện tích đất này là của Ông D và bà H, Ông D, bà H đã sử dụng phần đất này từ năm 1992 đến nay không có tranh chấp, do vậy diện tích đất 3,4m² được xác định là tài sản chung của Ông D và bà H và 7,65m² (15,30m x 0,5m) đất là do Ông D và bà H sử dụng sang phần đất được tặng cho của bà Chu Vĩnh Hùng, Ông D, bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ dân sự đối với diện tích đất này nên diện tích đất 7,65m² được xác định là tài sản chung của Ông D và bà H.

[4] Do vậy chỉ có diện tích đất là 3,4m² + 7,65m² = 11,05m² là tài sản chung của Ông D và bà H hình thành trong thời gian Ông D, bà H chung sống với nhau như vợ chồng, chưa chia; Ông D yêu cầu chia đối với phần tài sản chung này là có căn cứ, cần đưa ra xem xét giải quyết là phù hợp thực tế, phù hợp quy định của pháp luật; phần đất còn lại là 49,25m² không có căn cứ xác định là tài sản chung của Ông D, bà H nên không chấp nhận yêu cầu của Ông D về việc chia tài sản chung đối với phần đất này.

- Đối với yêu cầu chia tài sản trên đất là 01 nhà một tầng và công trình phụ gồm 01 nhà bếp, 01 nhà vệ sinh, 01 bể nước, xây trên thửa đất thửa đất số 533, tờ bản đồ số 24(306591-9-(a)); địa chỉ: Số 50 đường Trần Nhân Tông, tổ Trần Nhân Tông 1, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

[5] Ông D, bà H không thống nhất được thời điểm xây dựng nhà một tầng, mái bằng, mái hiên bê tông, gác xép bê tông và không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho thời điểm xây dựng công trình này. Tại Kết luận định giá tài sản, Hội đồng định giá đã xác định công trình xây dựng năm 1992, các bên đương sự đều không có ý kiến gì đối với kết luận định giá này; do vậy căn cứ mốc thời gian mà Hội đồng định giá xác định làm căn cứ tính giá trị còn lại của tài sản là phù hợp. Ông D và bà H đều thừa nhận đây là tài sản do Ông D, bà H tạo dựng trong thời gian chung sống với nhau, đây được xác định là tài sản chung của Ông D và bà H chưa chia, nay Ông D, bà H yêu cầu Tòa án xem xét chia đối với tài sản này là có căn cứ cần xem xét giải quyết.

[6] Đối với 01 nhà bếp, 01 nhà tắm, 01 nhà vệ sinh và 01 bể nước đã bị tháo dỡ và xây mới công trình khác nên không có cơ sở để xác định giá trị của các công trình nêu trên nên không có cơ sở xem xét giải quyết.

[7] Đối với nền nhà ốp gạch men, bán mái tôn chống nóng, cửa xép sắt, vách nhôm kính, nền gác xép ốp gạch men, cửa đi pano nhôm kính, nhà 2 tầng và công trình phụ, các hạng mục này bà H đã sửa chữa, tu tạo, nâng cấp, xây mới, không phải là tài sản chung của Ông D và bà H nên không xem xét giải quyết.

[8] Tài sản chung của Ông D và bà H gồm:

+ Tài sản là đất: 3,4m² + 7,65m² = 11,05m² tại thửa đất thửa đất số 533. Giá đất tại thời điểm định giá là 50.000.000đ/1m². Giá trị 11,05m² đất là: 11,05m² x 50.000.000 đồng = 552.500.000 đồng.

+ Tài sản trên đất gồm: 01 nhà một tầng, mái bằng, 01 mái hiên bê tông, 01 gác xép bê tông; địa chỉ: Số 50 đường Trần Nhân Tông, tổ Trần Nhân Tông 1,

phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Theo kết luận định giá tài sản thì giá trị còn lại của tài sản trên đất là: 01 nhà một tầng, mái bằng là 40.711.183 đồng, 01 mái hiên bê tông là 455.993 đồng, 01 gác xép bê tông là 1.405.978 đồng. Tổng là 42.573.154 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của Ông D và bà H là 595.073.154 đồng.

[9] Không xác định được công sức đóng góp của ai nhiều hơn vào khối tài sản chung này, do vậy bà H, Ông D mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 297.536.577 đồng.

[10] Do đất là tài sản chung của bà H và Ông D có diện tích nhỏ, nằm rải rác trên thửa đất 533, tài sản trên đất được xây dựng trên thửa đất mà bà H đang quản lý sử dụng, do vậy nên giao cho bà H được tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ tài sản chung của Ông D và bà H gồm diện tích đất 11,05m² và 01 nhà một tầng, mái bằng, 01 mái hiên bê tông, 01 gác xép bê tông, tại thửa đất thửa đất số 533, tờ bản đồ số 24(306591-9-(a)); địa chỉ: Số 50 đường Trần Nhân Tông, tổ Trần Nhân Tông 1, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; bà H có trách nhiệm thanh toán cho Ông D phần giá trị tài sản mà Ông D được hưởng là 297.536.577 đồng.

[11] Ngày 31/8/2022, nguyên đơn là ông Bùi Công D bổ sung yêu cầu khởi kiện, Ông D yêu cầu xem xét đối với khoản chi phí san lấp mặt bằng tại thửa đất số 533 là 67.746.250 đồng. Xét thấy ông Bùi Công D và bà Chu Vĩnh H đều không thống nhất được và không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho khoản chi phí san lấp này và không có tài liệu xác định độ sâu của diện tích san lấp nên không có cơ sở xem xét giải quyết. Sau khi giải quyết xong vụ án này, nếu Ông D, bà H thu thập được tài liệu chứng cứ chứng minh cho khoản chi phí san lấp này và có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về án phí:

[12] Ông Bùi Công D và bà Chu Vĩnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị mà Ông D, bà H được hưởng, tuy nhiên Ông D, bà H đều thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, căn cứ quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ông D, bà H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[13] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 16 Luật Hôn nhân gia đình; các điều 207, 210, 219 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Công D:

Tài sản chung của ông Bùi Công D và bà Chu Vĩnh H gồm: 11,05m² đất trị giá 552.500.000 đồng, 01 nhà một tầng, mái bằng trị giá 40.711.183 đồng, 01 mái hiên bê tông trị giá 455.993 đồng, 01 gác xép bê tông trị giá 1.405.978 đồng; tại thửa đất thửa đất số 533, tờ bản đồ số 24(306591-9-(a)); địa chỉ: Số 50 đường Trần Nhân Tông, tổ Trần Nhân Tông 1, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị tài sản chung của ông Bùi Công D và bà Chu Vĩnh H là 595.073.154 (Năm trăm chín mươi lăm triệu không trăm bảy mươi ba nghìn một trăm năm mươi bốn) đồng.

Ông Bùi Công D và bà Chu Vĩnh H mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản chung của ông Bùi Công D và bà Chu Vĩnh H, cụ thể: Ông Bùi Công D được hưởng 297.536.577 (Hai trăm chín mươi bảy triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi bảy) đồng; bà Chu Vĩnh H được hưởng 297.536.577 (Hai trăm chín mươi bảy triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi bảy) đồng.

Giao cho bà Chu Vĩnh H được quản lý sử dụng toàn bộ tài sản chung của Ông D và bà H gồm: 11,05m² đất, 01 nhà 01 tầng mái bằng, 01 mái hiên bê tông, 01 gác xép bê tông, tại thửa đất số 533, tờ bản đồ số 24(306591-9-(a)); địa chỉ: Số 50 đường Trần Nhân Tông, tổ Trần Nhân Tông 1, phường Quán Trữ, quận Kiến An, Hải Phòng, trị giá là 595.073.154 (Năm trăm chín mươi lăm triệu không trăm bảy mươi ba nghìn một trăm năm mươi bốn) đồng. Bà Chu Vĩnh H có trách nhiệm thanh toán trả ông Bùi Công D phần giá trị tài sản mà ông Bùi Công D được hưởng là 297.536.577 (Hai trăm chín mươi bảy triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Hội đồng xét xử không giải quyết đối với khoản chi phí san lấp mặt bằng thửa đất số 533, tờ bản đồ số 24(306591-9-(a)); địa chỉ: Số 50 đường Trần Nhân Tông, tổ Trần Nhân Tông 1, phường Quán Trữ, quận Kiến An, Hải Phòng. Sau khi giải quyết xong vụ án này, nếu Ông D, bà H thu thập được tài liệu chứng cứ chứng minh cho khoản chi phí san lấp này và có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Ông Bùi Công D và bà Chu Vĩnh H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Ông Bùi Công D, bà Chu Vĩnh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Chính Vũ Văn Lầy

Nguyễn Thị Lan Hương

